

Số: 11/2026/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 23 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách cấp tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026 - 2030

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XV - KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Xét Tờ trình số 2229/TTr-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 2576/UBND-NLN1 ngày 19 tháng 6 năm 2026; Báo cáo thẩm tra số 125/BC-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách cấp tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách cấp tỉnh để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2026 - 2030 (gọi tắt là Chương trình).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở, ban, ngành và các cơ quan cấp tỉnh; các xã, phường, đặc khu và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến quản lý, phân bổ, sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ

1. Phân bổ vốn có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả; ưu tiên phân bổ vốn cho các xã, phường, đặc khu, thôn, bản, khu phố vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã biên giới và xã đảo nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững; từng bước thu hẹp khoảng cách, chênh lệch phát triển giữa các vùng miền; bảo đảm không trùng lặp về nội dung chi, đối tượng thụ hưởng với nhiệm vụ đã phân cấp cho địa phương, nhiệm vụ thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia và các nhiệm vụ chi khác đã được bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.
2. Mục tiêu, cơ chế, chính sách, tiêu chí và định mức phân bổ phải đảm bảo tính thống nhất; công khai, minh bạch và tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.
3. Ngân sách cấp tỉnh bảo đảm kinh phí thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Các địa phương chủ động cân đối ngân sách cấp mình, lồng ghép các nguồn vốn và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để bảo đảm hoàn thành bền vững các mục tiêu của Chương trình góp phần đưa tỉnh Quảng Ninh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 4. Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công

1. Tiêu chí phân bổ:

a) Xã, phường, đặc khu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã biên giới; xã đảo: 60 điểm/xã, phường, đặc khu.

Trường hợp một đơn vị hành chính cấp xã đồng thời đáp ứng nhiều tiêu chí quy định tại điểm này thì chỉ được tính điểm một lần và không tính cộng gộp các tiêu chí với nhau.

b) Xã, phường (không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) có thôn, bản, khu phố vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Số điểm được xác định bằng 02 điểm/thôn, bản, khu phố nhân với số thôn, bản, khu phố vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; nhưng tối đa không quá 20 điểm/xã, phường.

c) Xã, đặc khu thực hiện xây dựng nông thôn mới:

- Xã, đặc khu đạt dưới 60% chỉ tiêu nông thôn mới: 40 điểm;
- Xã, đặc khu đạt từ 60% đến dưới 70% chỉ tiêu nông thôn mới: 35 điểm;
- Xã, đặc khu đạt từ 70% đến dưới 80% chỉ tiêu nông thôn mới: 30 điểm;
- Xã, đặc khu đạt từ 80% trở lên chỉ tiêu nông thôn mới: 25 điểm.

2. Phương pháp xác định mức vốn phân bổ cho xã, phường, đặc khu

a) Số điểm của từng xã, phường, đặc khu = Số điểm tại điểm a khoản 1 Điều này + Số điểm tại điểm b khoản 1 Điều này + Số điểm tại điểm c khoản 1 Điều này.

b) Mức vốn phân bổ cho từng xã, phường, đặc khu:

$$\text{Mức vốn phân bổ cho từng xã, phường, đặc khu} = \frac{\text{Tổng vốn ngân sách cấp tỉnh phân bổ để thực hiện Chương trình}}{\text{Tổng số điểm của các xã, phường, đặc khu}} \times \text{Số điểm của từng xã, phường, đặc khu}$$

3. Căn cứ xác định số liệu:

a) Danh sách các xã, phường, đặc khu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã biên giới; xã đảo; thôn, bản, khu phố vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã, đặc khu thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới theo quyết định của cấp có thẩm quyền tại thời điểm Nghị quyết này được thông qua.

b) Tỷ lệ hoàn thành chỉ tiêu nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 của các xã, đặc khu được xác định theo kết quả rà soát, đánh giá tại Kế hoạch 257/KH-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2026 - 2030.

4. Trường hợp có sự sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, thôn, bản, khu phố theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong giai đoạn 2026 - 2030 thì các nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Nghị quyết này tiếp tục được áp dụng đối với các đơn vị hành chính mới sau khi sắp xếp. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào danh sách, số liệu của các đơn vị hành chính mới tại thời điểm sắp xếp để xác định lại tổng số điểm cho các xã, phường, đặc khu và chủ động điều chỉnh phương án phân bổ vốn cho phù hợp, bảo đảm đúng quy định.

Điều 5. Tiêu chí phân bổ vốn chi thường xuyên

Kinh phí chi thường xuyên bố trí cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các xã, phường, đặc khu thực hiện Chương trình được xác định căn cứ vào các tiêu chí:

1. Nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao thực hiện theo các quyết định, kế hoạch, đề án và văn bản có liên quan.

2. Khối lượng nhiệm vụ, tiến độ thực hiện và nhu cầu kinh phí để thực hiện Chương trình theo kế hoạch hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Nội dung, tính chất và phạm vi thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và năng lực tổ chức thực hiện của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các xã, phường, đặc khu.

4. Kết quả thực hiện nhiệm vụ và giải ngân kinh phí của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các xã, phường, đặc khu của năm trước liền kề.

Điều 6. Định mức phân bổ

Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào tổng mức vốn ngân sách cấp tỉnh của Chương trình được cấp có thẩm quyền giao và các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ được quy định tại Điều 3, Điều 4 và Điều 5 của Nghị quyết này để phân bổ cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các xã, phường, đặc khu thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

Hằng năm, căn cứ lộ trình, mục tiêu, nhiệm vụ hoàn thành xây dựng nông thôn mới của từng xã, phường, đặc khu theo kế hoạch được phê duyệt, nhu cầu vốn thực tế và khả năng cân đối nguồn lực của ngân sách cấp tỉnh để bố trí và tập trung nguồn vốn đầu tư công phù hợp; bảo đảm tổng số vốn đầu tư công bố trí thực tế cả giai đoạn cho từng xã, phường, đặc khu không vượt tổng mức vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 phân bổ cho từng xã, phường, đặc khu được xác định tại Điều 4 của Nghị quyết này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Trách nhiệm tổ chức thi hành:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật; tổ chức phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn vốn thực hiện Chương trình bảo đảm đúng mục tiêu, hiệu quả, tiết kiệm, tránh thất thoát, lãng phí và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.

b) Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 7 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XV, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 23 tháng 6 năm 2026. /

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (báo cáo);
- Các bộ: Tư pháp, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, UVKTN.

CHỦ TỊCH

Trịnh Thị Minh Thanh